

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ
THANH PHONG 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /CV-TP12

V/v tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT04.21).

Hà Nam, ngày 12 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Công ty TNHH Đầu tư Thanh Phong 12 đã thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-DT-21)”.

Căn cứ quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Đầu tư Thanh Phong 12 gửi đến quý Cơ quan nội dung tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án bao gồm: vị trí thực hiện dự án đầu tư; tác động môi trường của dự án đầu tư; biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư (Các nội dung tham vấn được gửi kèm). Công ty TNHH Đầu tư Thanh Phong 12 kính đề nghị Quý Cơ quan cho phép đăng tải nội dung tham vấn gửi kèm công văn này trên trang thông tin điện tử của đơn vị để tham vấn các đối tượng quy định tại khoản 8, Điều 1 Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Công ty TNHH Đầu tư Thanh Phong 12 rất mong nhận được kết quả tham vấn để làm căn cứ tổng hợp và hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:VT.



Bùi Văn Hiệu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ
TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-DT04.21).

- Địa điểm thực hiện: xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư Thanh Phong 12.

- Người đại diện: Ông Bùi Văn Hiệu Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ trụ sở: TDP Đồi Ngang, thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Dự án đã được UBND tỉnh Hà Nam chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Xây dựng khu nhà ở tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-DT04.21) thông qua Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 09/12/2022.

- Dự án đã được UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-DT04.21).

- Công ty đã có văn bản đề nghị điều chỉnh tên dự án, tiến độ thực hiện dự án lên UBND tỉnh Hà Nam và đã được UBND tỉnh Hà Nam chấp thuận điều chỉnh tên dự án và phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-DT04.21)”.

- Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 25/04/2025 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-DT04.21)” với đơn vị nhà đầu tư trúng thầu là Liên danh nhà đầu tư Vina 68 - Nam Sơn.

- Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 05/05/2025 của UBND tỉnh Hà Nam về việc bổ sung thông tin về tổ chức kinh tế do Nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-DT04.21).

- Công ty TNHH Đầu tư Thanh Phong 12 đã được Phòng phát triển doanh nghiệp và kinh tế hợp tác xã của Sở Tài chính tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0700895772 đăng ký lần đầu ngày 26/04/2025.

1.2. Địa điểm và vị trí, ranh giới dự án

* *Địa điểm:* xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

** Vị trí thực hiện dự án*



- Ranh giới cụ thể như sau:
- + Phía Bắc giáp đường T1;
- + Phía Nam giáp đường quy hoạch rộng 17,5m;
- + Phía Đông giáp đường quy hoạch rộng 25m;
- + Phía Tây giáp đường Quy hoạch rộng 17,5m và kênh KB hiện trạng.

1.3 Quy mô sự án

1.3.1. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 91.575,09 m².

1.3.2. Về cơ cấu sử dụng đất:

Theo Quy hoạch số 359/QĐ-UBND ngày 22/03/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-DT04.21), cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
1	Đất ở	37.738,96	41,21
-	Đất ở liền kề	32.879,74	-
-	Đất ở liền kề mặt phố	4.859,22	-
2	Đất công cộng	649,03	0,71
3	Đất cây xanh	9.494,73	10,37
4	Đất hạ tầng kỹ thuật sau lô	6.342,89	6,93
5	Đất bãi đỗ xe	3.077,34	3,36
6	Đất giao thông	34.272,14	37,42
	Tổng cộng	91.575,09	100

1.3.3. Quy mô dân số:

Dự kiến quy mô dân số khoảng 1.000 người.

1.3.4. Quy mô về hạ tầng kỹ thuật

a. San nền

Trước khi triển khai thi công các hạng mục công trình của dự án, chủ đầu tư phải bóc riêng tầng đất mặt với độ sâu khoảng 20-25cm (tính từ bề mặt đất) để sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo quy định. Cao độ san nền theo quy hoạch và đảm bảo kết nối đồng bộ với khu dân cư hiện trạng. Đối với các công trình không đề xuất đầu tư xây dựng trong dự án, bảo giao quỹ đất cho địa phương quản lý: không thực hiện san nền, chỉ san gạt, mặt mặt bằng sạch để phục vụ công tác quản lý, đầu tư, thu hút đầu tư theo quy định.

b. Giao thông

* Phương án thiết kế

- Tuyến đường N1 có chiều dài khoảng $L=354,71\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$
- Tuyến đường N2 có chiều dài khoảng $L=356,06\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$.
- Tuyến đường N3 có chiều dài khoảng $L=357,38\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$.
- Tuyến đường D1 có chiều dài khoảng $L=261,65\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$.
- Tuyến đường D2 có chiều dài khoảng $L=144,50\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$.
- Tuyến đường D3 có chiều dài khoảng $L=262,46\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$.
- Tuyến đường D4 có chiều dài khoảng $L=144,50\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$.
- Tuyến đường D5 có chiều dài khoảng $L=144,50\text{m}$, mặt cắt ngang: $5,0\text{m (hè)} + 7,5\text{m (lòng đường)} + 5,0\text{m (hè)} = 17,5\text{m}$.
- Tuyến đường D6 có chiều dài khoảng $L=263,30\text{m}$, thiết kế rãnh đan bề rộng $\text{Brd}=0,3\text{m}$ và xây dựng bó vỉa, hoàn thiện vỉa hè theo quy hoạch trong phạm vi thực hiện dự án, bề rộng hè đường bên trái tuyến $B_{\text{hè}}=5,0$.
- Độ dốc ngang mặt đường $i = 2,0\%$;
- Độ dốc ngang vỉa hè $i = 1,5\%$.

* Kết cấu đường giao thông

- Mặt đường thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm TCCS 38:2022/TCĐBVN. Kết cấu mặt đường lựa chọn là cấp cao A1, tải trọng trục tính toán 100KN, mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{\text{yc}} \geq 120\text{Mpa}$, các lớp kết cấu dự kiến như sau:

- + Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm;
- + Tưới nhựa thấm bảm $1,0\text{kg/m}^2$;
- + Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại I dày 18cm;

- + Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại II dày 25cm;
- + Lớp đá lán đất đầm chặt K98 dày 50cm;
- + Nền đường đá lán đất đầm chặt $K \geq 95$ (xử lý nền đạt yêu cầu trước khi đắp).
- Tải trọng trục tính toán HL93.

c. Bãi đỗ xe

- Bố trí 01 bãi đỗ xe tập trung đặt tại khu vực trung tâm khu đất.
- Kết cấu đường giao thông $E_{yc} \geq 120$ Mpa (từ trên xuống):
- + Mặt đường BTXM đá 1x2, mác 250, dày 20cm.
- + Lớp vải bạt xác rắn.
- + Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm.
- + Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 35cm.
- + Nền san nền đá lán đất đầm chặt K85.
- Bó vỉa bê tông đúc sẵn đá 1x2 M250#, loại 1 kích thước 18x22x100cm, loại 2 kích thước 18x22x50cm;
- Bố trí kẻ vạch sơn bãi đỗ xe giúp phân luồng, hướng dẫn và đảm bảo trật tự cho các phương tiện tại bãi đỗ xe.

d. Tổ chức giao thông

Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo, vạch sơn kẻ đường tuân thủ theo QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ, bao gồm:

- Vạch tim đường;
- Vạch phân chia làn xe cùng chiều.
- Vạch giới hạn mép phần đường xe chạy;
- Vạch bộ hành qua đường;
- Vạch dừng xe, vạch dẫn hướng.
- Vạch sơn gờ giảm tốc.
- Biển báo hiệu đường giao nhau.

e. Thoát nước mưa

+ Hướng thoát nước: Từ phía Bắc xuống phía Nam, từ Đông sang Tây, nước mưa được thu dọc các tuyến đường nội bộ, thoát ra kênh KB qua cửa xả CX1, CX2.

+ Hệ thống công thoát nước mưa trong khu thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống công thoát nước thải, theo nguyên tắc chế độ tự chảy, dốc dọc tối thiểu $i = 1/d$.

+ Hệ thống công thoát nước mưa sử dụng công tròn BTCT. Công thu nước qua đường sử dụng công D400 HL93, Công thoát nước đặt trên vỉa hè từ D600 đến D1500 thu nước toàn bộ thoát ra kênh KB qua cửa xả CX1, CX2.

+ Bố trí các ga thăm dọc theo các công thoát nước với khoảng cách trung bình 35m/ga và tại các vị trí chuyển hướng.

- Kết cấu hố ga:

+ Hố ga ($H_{tb} < 2.0m$): Đáy ga đổ tại chỗ BTXM đá 1x2 mác 200 trên 10cm lớp đá dăm đệm 4x6; Xây tường ga bằng gạch cốt liệu vữa xi măng mác 75; Tấm đan BTCT đá 1x2 mác 250 dày 10cm; nắp ga, khung chắn rác bằng composite;

+ Hồ ga ($H_{tb} \geq 2.0m$): Đáy ga đổ tại chỗ BTCT đá 1x2 mác 200 trên 10cm lớp đá dăm đệm 4x6; Tường ga BTCT đá 1x2 mác 200 kết hợp xây gạch cốt liệu vữa xi măng mác 75; tấm đan BTCT đá 1x2 mác 250 dày 10cm; nắp ga, khung chắn rác bằng composite;

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I	Cống BTCT		
A. Cống trên hè			
1	Cống BTCT D300	m	235,00
2	Cống BTCT D400	m	561,00,
3	Cống BTCT D600	m	446,00
4	Cống BTCT D800	m	314,00
5	Cống BTCT D1000	m	247,00
6	Cống BTCT D1200	m	148,00
7	Cống BTCT D1500	m	5,00
8	Rãnh BTCT B300	m	91,00
B. Cống HL93			
1	Cống BTCT D400	m	139,00
2	Cống BTCT D600	m	62,00
3	Cống BTCT D800	m	10,00
4	Cống BTCT D1000	m	10,00
5	Cống BTCT D1200	m	17,00
6	Cống BTCT D1500	m	10,00
II	Hồ ga		
1	Hồ ga trực tiếp	Cái	43
2	Hồ ga loại 1	Cái	7
3	Hồ ga loại 1A	Cái	12
4	Hồ ga loại 2	Cái	23
5	Hồ ga loại 2A	Cái	26
6	Hồ ga loại 3	Cái	10
6	Hồ ga loại 4	Cái	9
7	Hồ ga loại 5	Cái	2

(nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi)

f. Gia cố kênh mương hiện trạng

Kênh tưới phía Tây dự án, chạy dọc tuyến đường D1 được gia cố mái taluy bằng đá hộc xây VXM M100 dày 25cm, chân khay bằng đá hộc xây VXM M100, dưới gia cố móng bằng cọc tre $L=2.5m$, mật độ 25 cọc/ m^2 .

g. Hệ thống thoát nước thải:

- Hướng thoát nước thải: từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam. Toàn bộ hệ thống thoát nước thải của dự án *Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện*

Thanh Liêm (TL-ĐT04.21) được đưa về trạm bơm chuyển bậc sau đó đầu nối với hệ thống đường ống thoát nước thải dự án *Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT01.21)* xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Mạng lưới thoát nước thải được bố trí trên vỉa hè, trong hành lang kỹ thuật sau các lô đất, vật liệu sử dụng ống HDPE đường kính D250, D300.

- Hệ thống hố ga thiết kế dọc theo cống, khoảng cách trung bình 25-50m/ga.

- Kết cấu hố ga:

+ Hố ga (Htb < 2.0m): Tường xây gạch xi măng cốt liệu, vữa xi măng mác 75#.

Đáy ga BTXM đá 1x2, mác 200#, đệm đá dăm 4x6. Sử dụng nắp hố ga composite, tấm đan BTCT đá 1x2 mác 250#;

- Sử dụng ống uPVC D160 chờ đầu nối.

Bảng thống kê khối lượng thoát nước thải

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
A	Cống dọc		
1	Cống HDPE D250 SN4	m	1.310,0
2	Cống HDPE D250 SN8	m	44,0
3	Cống HDPE D300 SN4	m	415,5
3	Cống HDPE D300 SN8	m	44,0
B	Hố ga		
1	Hố ga loại 1	Ga	3,0
2	Hố ga loại 2	Ga	25,0
3	Hố ga loại 3	Ga	3,0
4	Hố ga loại 4	Ga	2,0
5	Hố ga loại 5	Ga	12,0
6	Hố ga loại 6	Ga	4,0
7	Hố ga loại 7	Ga	2,0
8	Hố ga loại 8	Ga	3,0
9	Hố ga loại 9	Ga	3,0
10	Hố ga loại 10	Ga	10,0
11	Hố ga loại 11	Ga	1,0

(nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi)

h. Cấp nước

Nguồn cấp nước: Từ Nhà máy nước Đồng Tâm.

- Đầu nối qua 02 điểm

+ Đầu nối điểm 01 tại hệ thống ống HDPE D110 từ dự án: *Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT01.21)* nằm phía Đông dự án trên hè đường D6.

+ Điểm 02 tại đường ống hiện trạng di chuyển nằm trên hè đường D1 phía Tây khu đất.

- Mạng lưới cấp: Sử dụng mạng vòng kết hợp nhánh cụt

- Loại ống sử dụng: ống nhựa HDPE $\Phi 110$, $\Phi 90$, $\Phi 50$ áp lực làm việc tối đa 10bar; đoạn qua đường sử dụng ống PVC Dn225.

- Cấp nước cứu hỏa: Bố trí các trụ cứu hỏa trên các tuyến ống cấp có đường kính $\Phi 110$ với khoảng cách trung bình khoảng 120m/trụ, Vị trí trụ cứu hỏa ưu tiên đặt tại những vị trí thuận tiện đường giao thông, tập trung các khu vực dân cư, đơn vị và các cơ sở sản xuất và thuận tiện cho xe chữa cháy lấy nước khi có cháy.

Bảng thống kê khối lượng cấp nước

STT	Vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Ống HDPE D110, PN8 - PE100	m	1354	Mặt bằng
2	Ống HDPE D90, PN8 - PE100	m	1643	Mặt bằng
	Ống thép D110 (Trụ cứu hỏa)	m	33	Mặt bằng
3	Ống UPVC D225 (bảo vệ ống qua đường)	m	120	Chi tiết bản vẽ
4	Ống UPVC D160 (chụp van)	m	42	Chi tiết bản vẽ
5	Bích thép rỗng Dn100	cái	42	Chi tiết bản vẽ
6	Bu BF Dn100	cái	10	Chi tiết bản vẽ
7	Bu BE Dn100 (Trụ cứu hỏa)	cái	11	Chi tiết bản vẽ
8	Chụp van HDPE D160	cái	19	Chi tiết bản vẽ
9	Cút HDPE D50x1.1/2" ren ngoài	cái	6	Chi tiết bản vẽ
10	Cút HDPE D110-90 độ	cái	6	Chi tiết bản vẽ
11	Chếch HDPE 45 độ DN110	cái	13	Chi tiết bản vẽ
12	Chữ thập đều HDPE DN110	cái	2	Chi tiết bản vẽ
13	Đai khởi thủy D110x1.1/2"	cái	8	Chi tiết bản vẽ
14	Đầu nối bích HDPE D110	cái	31	Chi tiết bản vẽ
15	Đồng hồ điện từ DN100	cái	3	Chi tiết bản vẽ
16	Nút bịt thép Dn40	cái	20	Chi tiết bản vẽ
17	Ren ngoài HDPE D50x1.1/2" vắn	cái	36	Chi tiết bản vẽ
18	Tê HDPE D110x110 (trụ cứu hỏa)	cái	11	Chi tiết bản vẽ
19	Tê HDPE D110x110	cái	4	Chi tiết bản vẽ
20	Tê HDPE D50x50 vắn	cái	13	Chi tiết bản vẽ
21	Van chặn 1 chiều Dn100	cái	3	Chi tiết bản vẽ
22	Van chặn 2 chiều Dn100	cái	16	Chi tiết bản vẽ
23	Van ren 2 chiều Dn40	cái	28	Chi tiết bản vẽ

(nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi)

i. Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

** Hệ thống cấp điện*

- Điểm đầu: tại cột 21 nhánh Bơm Võ Giang lộ 373 E3.2. lắp đặt mới 01 đoạn tuyến đường dây trên không đến cột 01 nhánh KDC TL-ĐT04.21 xây dựng mới đặt trên hè trong phạm vi dự án. Từ vị trí cột 01 xây dựng mới: lắp đặt mới đường cáp ngầm trung thế 35kV 3x120mm² đi trên vỉa hè đường quy hoạch của dự án để cấp cho TBA T1 - 560kVA-35(22)/0,4kV đặt tại vị trí khu cây xanh CX6; từ TBA T1 - 560kVA-

35(22)/0,4kV tiếp tục đi cáp ngầm cấp điện về TBA T2 – 1x320+1x400kVA-35(22)/0,4kV đặt tại lô cây xanh CX6. Tuyến đường điện 35kV xây dựng mới sử dụng cáp đồng ngầm có đặc tính chống thấm dọc loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x120mm² được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE 195/150 chôn theo rãnh cáp trong đất, phía trên có gạch chỉ bảo vệ, lưới nilong (băng báo hiệu cáp) và mốc báo hiệu cáp ngầm theo quy định của ngành điện, đoạn cáp ngầm qua đường được bảo vệ trong ống thép chịu lực D219; Tổng chiều dài tuyến: 305 m Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x120mm² và 56m dây nhôm bọc AC95/16-XLPE4.3/HDPE trên mặt bằng.

- Cáp ngầm: Tuyến dây cáp ngầm 35kV xây dựng mới cấp điện cho dự án sử dụng cáp đồng ngầm có đặc tính chống thấm dọc loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x120mm².

TBA T1-1x400+1x560kVA -22/0.4kV được đấu nguồn từ cột số 08 đường trục lộ 471E24.2 hiện có thuộc đường điện trung thế 22kV lộ 471 E24.2. Giải pháp thiết kế cấp nguồn điện trung thế như sau. Trên cột đầu số 08 lắp thêm trên cột : xà CDPT 24kV, xà đỡ sứ TG, xà đỡ CSV& đầu cáp, ghế, giá đỡ cáp, đầu cáp ngầm 24kV để hạ ngầm tuyến dây về cấp điện cho trụ 320kVA-22/0,4kV. TBA trụ lắp tủ điện trung thế 3 ngăn 24kV bao gồm 1 ngăn 1 ngăn CDPT 630A đầu cáp đến, 1 ngăn CDPT 630A dự phòng đầu nối và sự cố, 1 ngăn CDPT 200A + bộ chỉ cấp nguồn cho MBA 320kVA-22/0,4kV.

Cáp sử dụng cho công trình dùng cáp đồng ngầm 12,7/22(24)kV CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W 3x70mm². đường cáp ngầm xây dựng mới được chôn trực tiếp dưới đất trong hào cáp ngầm có lưới báo hiệu cáp và gạch chỉ bảo vệ. Cáp ngầm được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE D130/10 được chôn sâu 1 mét so với mặt hè và cách mép bó vỉa đường QH là 0.7 mét. Đoạn qua đường được luồn thêm trong ống nhựa đen chịu lực PE HDPE D200 PN12.

- Trạm biến áp:

+ Xây dựng mới 02 trạm biến áp kiểu kiot có công suất là: TBA T1 công suất 560kVA-35(22)/0,4kV, TBA T2 công suất 1x320+1x400kVA-35(22)/0,4kV cấp điện cho khu dân cư nông thôn mới.

+ Theo quy hoạch và để đảm bảo mỹ quan chung cho Khu đô thị, các trạm biến áp được thiết kế kiểu trạm kios hợp bộ có gian trung thế, hạ thế và gian máy biến áp riêng biệt.

+ Trạm biến áp sử dụng các tủ RMU 35kV-630A-20kA/3s, ngăn đóng, cắt các lộ cáp 24kV đến và đi bằng cầu dao phụ tải. Bảo vệ bảo vệ quá tải và ngắn mạch máy biến áp bằng cầu dao phụ tải + cầu chì 35kV-200A-20kA/3s.

- Phần cấp điện hạ thế 0,4kV:

+ Cáp cấp điện đến tủ công tơ dùng loại cáp Cu/XPLE/PVC/DSTA/PVC 3x240+1x185mm², 3x185+1x120mm², 3x150+1x120mm², 3x120+1x95mm², 3x95+1x70mm², 3x70+1x50mm², 3x50+1x35mm² có đặc tính chống thấm dọc được luồn trong ống nhựa xoắn chôn trong rãnh cáp dưới đất. Sử dụng cáp đồng ngầm có đặc

tính chống thấm dọc. Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn chịu lực HDPE và chôn trực tiếp trong đất, phía trên có gạch chỉ bảo vệ, lưới ninong bảo cáp ngầm và cọc mốc báo hiệu cáp theo quy định của ngành điện. Độ sâu chôn so với vỉa hè là 0,85-1m . cáp hạ thế có các loại hào cáp đơn, hào cáp đôi, hào cáp 3 sợi cáp Cáp được bảo vệ 2 lớp theo thứ tự từ trên xuống dưới gồm lớp 1 là đất đắp tận dụng và lưới bảo hiệu cáp, lớp 2 là cát đen và bảo vệ bằng gạch đặc.

+ Tủ công tơ sử dụng loại tủ lắp được 12 công tơ 1 pha (1000x650x500) đặt phía trước giáp ranh giữa các nhà dân, tủ được chế tạo theo quy định ngành điện đảm bảo về kỹ thuật và yêu cầu cho mỹ quan đô thị và được đặt trên bệ xây (trong dự án không bố trí sẵn công tơ - khi có hộ dân sử dụng điện ngành điện sẽ đầu tư lắp đặt). Phạm vi dự án cấp điện đến tủ hạ thế công tơ, tủ công tơ để chờ sẵn các thiết bị bảo vệ. Phần Công tơ và dây sau công tơ sẽ do Điện lực địa phương kết hợp với hộ sử dụng điện lắp đặt khi có hợp đồng sử dụng điện. Đối với các lô nhà ở liền kề lắp đặt tủ chứa được 12 công tơ 1 pha và các aptomat 1 pha trong tủ, đặt sẵn ống chờ HDPE40/30 đến đầu các lô nhà liền kề.

+ Móng tủ: Tủ được đặt đặt đứng trên bệ bê cốt thép mác M200 đá 1x2, cốt thép AI, AII và xây gạch, bê tông lót đáy móng tủ mác 100 đá 2x4cm, dày 10cm.

+ Tiếp địa hỗn hợp cọc tia kiểu RC2 (2 cọc L63x63x6 dài 2,5m) chôn sâu 0,7m làm tiếp địa lắp lại và tiếp địa an toàn.

** Hệ thống điện chiếu sáng*

Bóng đèn dùng trong công trình dùng bóng đèn Led 120W

- Sử dụng chip led chất lượng cao có tuổi thọ và hiệu suất chiếu sáng cao
- Khung bộ đèn làm bằng hợp kim nhôm, tản nhiệt nhanh, chịu lực tốt, khó biến dạng, bề mặt khung nhôm được xử lý chống oxy hóa.
- Bề mặt đèn làm bằng kính cường lực.
- Có thấu kính quang học tạo phân bố quang phù hợp chiếu sáng đường phố, đường nội bộ khu công nghiệp...

- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại, an toàn cho người sử dụng và thân thiện môi trường.

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 .
- Quang hiệu (hiệu suất phát quang >130 lumen/W.
- Cấp bảo vệ IP 66, cấp cách điện: Class1
- Thân đèn bằng nhôm đúc áp lực cao, chứa phản quang nhôm tinh khiết được đánh bóng và anot hóa , kính đèn bằng thủy tinh cường lực an toàn chịu nhiệt.
- Hệ số công suất >0,98
- Nhiệt độ màu: 2700-3000K (ánh sáng vàng ấm)
- Chỉ số hoàn màu CRI ≥80
- Sử dụng chip Led 168 SMD 3030Led của Lumiles, hoặc CREE-USA hoặc Bridgelux

- Bộ nguồn sản xuất bởi hãng CREE-USA hoặc Bridgelux hoặc PHILIPS

- Hiệu suất phát quang LED > 130Lumen/W.
- Khả năng chống tác động cơ học = 20J.
- Điện áp nguồn đầu vào: AC220V(50Hz)
- Tỏa nhiệt <70°C
- Tuổi thọ >50.000h, bảo hành 3 năm
- Độ suy giảm phát quang 5% sau 10.000h sử dụng.
- Màu sắc đèn do chủ đầu tư lựa chọn.
- Đèn được lập trình sẵn tại nhà máy có chức năng điều chỉnh Dimming tiết giảm công suất 5 mức tại đèn.

- + Từ 18h00 đến 22h00 đèn hoạt động: 100% công suất
- + Từ 22h00 đến 24h00 đèn tiết giảm xuống 60% công suất.
- + Từ 24h00 đến 3h00 đèn tiết giảm xuống 30% công suất
- + Từ 3h00 đến 5h00 đèn hoạt động với 60% công suất
- + Từ 5h00 đến 6h00 đèn hoạt động trở lại với 100% công suất
- Có cổng kết nối với hệ thống chiếu sáng thông minh trong tương lai.
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722-1:2009; IEC60598-1:2008; TCVN 4255:2008; IEC60529:2001; IEC60231; IEC62471; IEC61347.

Đèn cầu trang trí D400:

- Đèn làm bằng nhựa PMMA sọc trắng (chống lão hoá khi sử dụng ngoài trời phù hợp với khí hậu của Việt Nam).
- Đèn được gia công bằng phương pháp đúc quay, sai lệch đường kính $\leq 1\text{mm}$, bề mặt ngoài đảm bảo bóng, không bị vết rỗ bọt, không bị xước.
- Hệ số thấu quang đảm bảo $\geq 0,90$
- Bóng đèn Led 25W.

Cột đèn

- Cột đèn chiếu sáng đường: Thiết kế cột bát giác côn cao 7m, và 10m cần đèn đơn loại cao 2m, vưon 1,5m.
- Toàn bộ cột, cần được làm từ thép CT3 được mạ nhúng kẽm nóng có độ bền cao theo tiêu chuẩn BS729, ASTM A123, bảo đảm độ bền và mỹ quan.

k. Hệ thống thông tin liên lạc

Nguồn cấp: Dự kiến đầu nối cáp viễn thông từ trạm viễn thông huyện Thanh Liêm.

Cáp tín hiệu sử dụng cáp quang trục phân phối đến các thuê bao. Toàn bộ cáp được luồn trong ống bảo vệ chôn trực tiếp trong đất ở độ sâu 0,7m đối với dưới đường và 0,5m đối với ống trên hè. Hệ thống thông tin trục chính và các trục nhánh sẽ sử dụng cáp quang truyền dẫn.

Hệ thống hồ ga kéo cáp được đặt với khoảng cách trung bình là 60-100m và những vị trí tuyến ống đổi hướng. Tuyến cáp của dự án sử dụng loại HDPE D110 và loại HDPE D130 hoàn trả cho tuyến cáp hiện trạng.

Kết cấu hồ ga kéo cáp: Tường xây gạch xi măng cốt liệu, vữa xi măng mác 75#. Đáy ga BTXM đá 1x2, mác 200#, đệm đá dăm 4x6.

Tất cả các thiết bị viễn thông được cung cấp đồng bộ theo tiêu chuẩn quốc tế do các ISP lớn trong nước như Tập đoàn Viễn thông Việt Nam VNPT, Viettel, FPT, EVN...cung cấp và lắp đặt.

Bảng thống kê khối lượng thông tin liên lạc

TT	Hạng mục	Đơn Vị	Tổng khối lượng
1	Ống HDPE D130	m	994
2	Ống HDPE D110	m	1.188
3	Ga thông tin loại 1	Cái	8
4	Ga thông tin loại 2	Cái	37
5	Ga thông tin loại 3	Cái	2
5	Ga Tổng chia thông tin	Cái	6

(nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi)

1.3.2 Công trình đơn vị ở

a. Nhà ở liền kề

* Quy mô:

Đầu tư xây dựng 69 căn nhà ở với tổng diện tích đất khoảng 7851,2 m²; bao gồm 45 căn nhà ở liền kề mặt phố dọc tuyến đường T1, diện tích đất khoảng 3.757,7 m² và 24 căn nhà ở liền kề mặt đường D6, diện tích đất khoảng 2.346,4 m². Mật độ xây dựng 90%. Tầng cao: 4 tầng + 1 tum.

* Phương án xây dựng

- Phần kiến trúc: Công trình nhà liền kề mặt phố được đầu tư xây dựng đồng bộ, nhằm hình thành tuyến phố đồng bộ về kiến trúc và tạo cảnh quan cho đô thị.

- Nhà được thiết kế 4 tầng, kích thước nhà của lô điển hình 6,0m x 15,0m, chiều cao đỉnh 17,4m trong đó tầng 1 cao 3,9m, tầng 2,3 cao 3,6m, tầng 4 cao 3,3m, tum 3,0m.

- Hệ thống cửa đi xung quanh bên ngoài bằng cửa nhôm kính.

- Mái đổ bê tông cốt thép chéo vát gắn ngói trang trí, Nội thất trần thạch cao. Tường sơn màu, cột ốp trang trí sơn màu trắng và ghi nhạt.

- Phần Kết cấu: Nhà thiết kế hệ khung bê tông cốt thép chịu lực, Tường xây gạch 220cm, bậc tam cấp ốp đá granite tự nhiên.

- Móng thiết kế móng cọc bê tông cốt thép chịu lực, bê tông đài móng mác 300#; cọc bê tông đúc sẵn.

- Hệ thống cấp, thoát nước, điện, điều hòa, thông gió, chiếu sáng... được thiết kế đồng bộ.

b. Đất ở tái định cư:

Có diện tích 1.235,27 m² (chiếm khoảng 3,3% diện tích đất ở). Sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý để bố trí đất tái định cư cho các hộ dân theo quy định.

c. Đất công trình hạ tầng xã hội, công cộng khác:

Đất công cộng (nhà văn hóa) sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý, đầu tư theo tiến độ dự án, đáp ứng nhu cầu phục vụ sinh hoạt dân cư trong khu vực dự án.

1.4. Công nghệ sản xuất

Do đặc thù dự án là hạ tầng kỹ thuật và xây dựng khu dân cư nên không có công nghệ sản xuất.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 2 vụ trở lên, diện tích khoảng 84.379,1m² tương đương 8,438 ha.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

- Vị trí dự án cụ thể như sau: Dự án được thực hiện tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Hiện trạng sử dụng đất của dự án:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở nông thôn	ONT	225,0	0,25
2	Đất vườn	BHK	278,7	0,30
3	Đất nông nghiệp	LUC	84.379,1	92,14
4	Đất mặt nước	MN	2.716,6	2,97
5	Đất giao thông	GT	3.975,72	4,34
	TỔNG		91.575,09	100,00

(Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án)

- Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh:

+ Tiếp giáp phía Bắc tuyến đường T1 có chiều dài 4,03km được kết nối từ Quốc lộ 1A (địa bàn xã Thanh Phong) với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình tại thôn Chằm Thị, xã Liêm Thuận, tuyến đường hiện nay đã được hoàn thành và đưa vào khai thác;

+ Cách dự án khoảng 250m về phía Bắc là Khu đô thị Hưng Hòa;

+ Cách dự án khoảng 500m về phía Đông Bắc là Chùa Phật Quang;

+ Cách dự án khoảng 160m về phía Tây là nút giao đường QL.1A với đường T1.

+ Cách dự án khoảng 250m về phía Tây Nam là Nhà máy nước sạch Đồng Tâm.

+ Cách dự án khoảng 500m về phía Nam và Trường Tiểu học Thanh Phong.

+ Cách dự án khoảng 1,6km là UBND thị trấn Tân Thanh.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Các tác động liên quan đến chất thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Bụi và khí thải do các phương tiện vận tải vận chuyển vật liệu thi công.
- Bụi phát sinh từ quá trình san lấp tạo mặt bằng tại công trường.
- Bụi phát sinh do gió cuốn.
- Bụi và khí thải do các máy công tác hoạt động tại công trường.
- Bụi và khí thải từ các quá trình thi công xây dựng: hàn cắt sắt thép.
- Nước mưa chảy tràn.
- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân tại công trường thi công.
- Nước thải rửa xe.
- Chất thải từ quá trình xây dựng (chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại).

b) Giai đoạn hoạt động

- Bụi và khí thải (SO_2 , CO, NO_2 , VOCs...) phát sinh từ hoạt động giao thông đi của người dân.

- Nước thải từ quá trình hoạt động của người dân khu vực dự án.
- Nước mưa chảy tràn.
- Chất thải sinh hoạt của người dân.
- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sinh hoạt của người dân.

2.2.2. Các tác động không liên quan đến chất thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Tác động do tiếng ồn, độ rung.
- Tác động đến giao thông khu vực
- Tác động đến kinh tế - xã hội
- Sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án: sự cố về máy móc thiết bị; sự cố cháy, nổ; sự cố về sét đánh; sự cố về lũ lụt; tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

b) Giai đoạn hoạt động

- Tác động của tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện giao thông;

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

2.3.1. Các công trình và biện pháp giai đoạn xây dựng

a) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:
 - + Sử dụng nhà vệ sinh di động dạng container (01 container 20 feet có 4 phòng) để quản lý và thu gom lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.
 - + Định kỳ 3 lần/tuần sẽ thuê đơn vị chuyên trách đến thu gom và mang các loại chất thải của nhà vệ sinh di động đi xử lý theo quy định.
- Nước thải rửa xe:
 - + Xây dựng 01 bể xử lý nước thải rửa xe chia làm 04 ngăn (ngăn gom, ngăn tách váng dầu, ngăn lắng cặn và ngăn chứa tái sử dụng) có kích thước dài x rộng x cao = 2,89 x 0,72

(1,0) x 2,0 (m) để lắng đất, cát và xử lý váng dầu. Nước sau xử lý được lưu chứa tại ngăn chứa tái sử dụng khoảng 2,0m³, được tận dụng rửa xe không xả thải trực tiếp ra môi trường xung quanh khu vực dự án

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải rắn

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng của dự án được thực hiện tuân thủ theo Quyết định 19/2023/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

- Rác thải sinh hoạt: Các loại chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường được thu gom chứa vào các thùng chứa rác. Đơn vị thi công bố trí 02 thùng đựng rác dung tích 120 lít/thùng chứa rác thải sinh hoạt. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và mang đi xử lý (vào cuối giờ chiều hàng ngày).

- Chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ quá trình thi công xây dựng bao gồm dầu mỡ thải, vỏ hộp sơn, cặn sơn, bóng đèn hỏng, vỏ can, thùng dính dầu mỡ, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, đầu mẫu que hàn,... sẽ được phân loại, thu gom vào 05 thùng chứa chuyên dụng, dung tích 50 lít/thùng có nắp đậy, CTNH sau đó được chứa vào nhà container (container 10feet) được bố trí trên công trường. Chất thải nguy hại này sẽ được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có tư cách pháp nhân đưa đi xử lý.

2.3.2. Các công trình và biện pháp giai đoạn hoạt động

a) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

* Nước mưa chảy tràn

- Các cống ngang được xây dựng tại các vị trí cần thoát nước lưu vực và tại các vị trí cắt qua kênh, mương thủy lợi theo thỏa thuận với các đơn vị quản lý.

- Tại các đoạn tuyến đi lấn mương thủy lợi, tiến hành cải mương hợp lý đảm bảo sau khi xây dựng công trình thì hệ thống mương thủy lợi vẫn phục vụ tưới tiêu bình thường, đảm bảo dòng chảy được thuận lợi.

- Thường xuyên quét dọn đường và nạo vét hệ thống cống thoát nước để đảm bảo khả năng thoát nước mưa của các tuyến đường.

- Để đảm bảo hệ thống thoát nước mưa luôn hoạt động tốt, đơn vị quản lý hạ tầng khu vực chịu trách nhiệm tu sửa, vệ sinh đường xá thường xuyên nhằm khi có mưa lớn có thể thoát nước nhanh nhất.

* Nước thải sinh hoạt :

- Tổng lưu lượng nước thải của toàn khu vực lập quy hoạch khoảng 140m³/ng.đ (bao gồm nước thải sinh hoạt từ các nhóm nhà ở và các công trình công cộng).

- Hướng thoát chính từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông.

- Hệ thống thu gom nước thải gồm ga thu, ga thăm và các tuyến cống HDPE đường kính D250÷D300 đi ngầm trên hè dọc theo các tuyến đường giao thông trong khu vực lập quy hoạch và trong hành lang hạ tầng kỹ thuật sau lô. Khoảng cách giữa các hố ga trung bình khoảng 30m, bố trí giữa các hộ dân, vị trí

chuyển hướng, thay đổi tiết diện cống... Độ dốc dọc cống được thiết kế đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy $i > 1/D$ (D là đường kính ống).

- Phương án thoát nước theo Quy hoạch: Nước thải được thu gom vào tuyến cống thoát chính đưa về trạm xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Tân Thanh (công suất dự kiến đến năm 2030 khoảng 2.000m³/ng.đ) qua trạm bơm chuyển bậc tại khu vực phía Đông Nam tiếp giáp với trục đường quy hoạch rộng 25m.

- Phương án thoát nước theo hiện trạng: Toàn bộ hệ thống thoát nước thoát của dự án *Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT04.21)* được đưa về trạm bơm chuyển bậc sau đó đầu nối với hệ thống đường ống thoát nước thải dự án *Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT01.21)* xử lý trước khi xả ra môi trường. Nước thải sau xử lý đạt cột A ($k=1$) theo QCVN số 14:2008/BTNMT được thoát ra ngoài Kênh tưới tiêu kết hợp KB6-4.

b. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ giao thông

Đây là nguồn thải phân tán, khó tập trung nên sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu ngay tại nguồn phát sinh và trên đường phát tán, cụ thể như sau:

- Tuân thủ nghiêm chỉnh về chiều rộng mặt cắt đường, lề đường. Đảm bảo đường thông thoáng, tránh gây ùn tắc giao thông nhằm hạn chế phát sinh và dễ dàng phát tán các chất gây ô nhiễm.

- Đảm bảo vệ sinh đường sạch sẽ.

- Trồng cây xanh dọc theo 2 bên tuyến và khu vực dải phân cách. Cây xanh không những giúp hấp thu bụi, khí độc, tiếng ồn mà còn góp phần tạo cảnh quan cho tuyến đường nói riêng và khu vực nói chung. Lựa chọn những loại cây phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của khu vực.

c. Đối với công trình trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

- Thường xuyên quét dọn tuyến đường và nạo vét hệ thống thoát nước.

- Khối lượng chất thải rắn trong quá trình dọn dẹp, tu sửa tuyến đường được đưa đi xử lý theo quy định.

Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại được phân loại riêng và thu gom định kỳ theo loại rác, tổ chức thu gom rác trong các nhóm nhà, đặt các thùng đựng rác bán kính từ 200m ÷ 300m (ưu tiên đặt gần những khu vực cây xanh, khu đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng đảm bảo tính thẩm mỹ, phù hợp, hài hòa với không gian xung quanh).

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án giai đoạn xây dựng

a. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Giám sát khối lượng, chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Theo Luật

Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát: Khu vực Dự án, tuyến đường chính vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công xây dựng.

- Nội dung cần giám sát: Công tác dọn dẹp mặt bằng thi công hàng ngày, công tác tưới nước giảm thiểu bụi; công tác vận chuyển nguyên vật liệu; công tác thu gom, xử lý nước thải rửa xe; hoạt động thu gom nước thải sinh hoạt; hoạt động tiêu thoát nước mưa, tình trạng 2 bên bờ cầu.

- Tần suất thực hiện: Thường xuyên.

2.4.2. Chương trình quản lý môi trường của dự án giai đoạn hoạt động

a. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Các vấn đề cần giám sát:

+ Số lượng phát sinh (kg/tháng), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.

+ Cách thức xử lý chất thải (thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý).

- Tần suất giám sát: Thường xuyên

- Hoạt động giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại đảm bảo theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c. Giám sát và cảnh báo các sự cố, rủi ro

- Vị trí giám sát: Khu vực Dự án

- Vấn đề cần giám sát:

+ Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống trượt lở, sụt lún khu vực.

- Tần suất thực hiện: Hằng ngày.

2.5. Các nội dung khác

Dự án không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo phục hồi môi trường.

3. Cam kết của Chủ dự án

Chủ dự án cam kết thực hiện các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về Bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và thực hiện dự án:

- Cam kết thực hiện đúng theo các quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu của dự án đến môi trường trong giai đoạn xây dựng, hoạt động của dự án.

- Cam kết xe vận chuyển vật liệu chở đúng trọng tải, che chắn đầy đủ, thời gian hợp lý; thường xuyên quét dọn, phun nước giảm bụi trên đường vận chuyển, duy tu bảo dưỡng và hoàn trả đường vận chuyển nếu xảy ra tình trạng hỏng hóc.

- Cam kết chịu trách nhiệm đối với hệ thống hạ tầng hiện trạng và các khu vực dân cư trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ dự án.

- Cam kết công khai nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt ở UBND xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm và khu vực dự án để giám sát công tác tuân thủ các cam kết bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.



Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phong từ ngày.....tháng.....năm 2025